

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 20/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Hùng
Ông Dương Cao Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trí Dương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Trình Thị Hải L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 02/02/1994, tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Tổ dân phố I, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trình Xuân Đ và bà Trần Thị S (đều đã chết); Chồng Nguyễn Văn H và có 04 con, đứa lớn nhất sinh năm 2011, đứa nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2016/HSST ngày 16/3/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 8.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, chưa thi hành xong hình phạt tiền và án phí hình sự sơ thẩm (chưa được xóa án tích); Tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/9/2024 đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Anh Trần Hữu Q, sinh năm 1974; Nghề nghiệp: lao động tự do; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H), đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phan Văn H1, sinh năm 1986; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trú tại: thôn M, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

2. Chị Bùi Thị Kim T, sinh năm 1983; Nghề nghiệp: lao động tự do; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Huy D, sinh năm 1978; Nghề nghiệp: lao động tự do; Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đêm 22 rạng sáng ngày 23/8/2024, Trần Hữu Q cùng đồng bọn điều khiển ô tô thực hiện hành vi trộm chó tại huyện K bị Công an huyện K phát hiện, truy đuổi nên Quyền để lại xe ra thành phố H thuê nhà nghỉ T1 thì gặp Phan Văn H1 (bạn của Q) và Trịnh Thị Hải L thuê phòng tại đây. Trần Hữu Q kể về sự việc trộm chó cho H1 và L nghe rồi hỏi L có quen ai giúp được Quyền để lấy ô tô đang bị tạm giữ ra và không bị xử lý hình sự thì L nhận lời hỏi giúp Q và sẽ thông báo sau. Do L quen biết một người đàn ông giới thiệu tên H2 làm cán bộ nhà nước số điện thoại 0858526856 nên L gọi điện nhờ giúp chạy án cho Q. Khoảng hai ngày sau, ông H2 gọi điện cho L nói đã hỏi được người giúp. Mặc dù, ông H2 chỉ nói đã hỏi người giúp cho Q mà chưa trả lời cụ thể sẽ giúp như thế nào và chưa yêu cầu đưa tiền để chạy án nhưng L liên hệ với Q yêu cầu Q chuẩn bị 70.000.000 đồng để đưa cho ông H2. Do Trần Hữu Q đang bỏ trốn tại huyện Q, tỉnh Nghệ An nên Q gọi điện về cho vợ là chị Bùi Thị Kim T chuẩn bị 70.000.000 đồng đưa cho L để giúp chạy án. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 25/8/2024, chị T nhờ anh Trần Huy D chở đến nhà nghỉ Thành H3 gọi điện cho L xuống nhận tiền nhưng vì L đang có quan hệ tình cảm với H1 mà chị T lại quen biết vợ H1 nên L tránh mặt và nhờ H1 xuống nhận tiền hộ. Chị T trực tiếp đưa trước cho H1 20.000.000 đồng rồi H1 đi lên phòng đưa lại toàn bộ số tiền này cho L. Vài ngày sau, Q gọi điện cho L hỏi đã xử lý như thế nào thì L tiếp tục nói với Q đưa 50.000.000 đồng còn lại để đưa cho ông H2. Vì tin tưởng L đã nhờ người giúp để không bị xử lý hình sự và lấy được xe ô tô đang bị tạm giữ nên ngày 04/9/2024, Q điều khiển xe ô tô chở chị T ra nhà nghỉ T1 đưa tiền cho L. Do L tiếp tục tránh mặt chị T nên L nhờ H1 xuống nhận tiền hộ và chị T đã trực tiếp đưa cho H1 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H1 lên phòng đưa toàn bộ số tiền này cho L và nói với L nếu không giúp được thì trả tiền lại cho Q. Sau khi nhận tổng số tiền 70.000.000 đồng của anh Q, Trịnh Thị Hải L đã không đưa cho ông H2 để chạy án cho Q mà tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 09/9/2024, Trần Hữu Q bị Công an huyện K triệu tập làm việc thì biết bị Trịnh Thị Hải L lừa nên đã trình báo toàn bộ nội dung sự việc nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS-TPHT ngày 23/12/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã truy tố Trịnh Thị Hải Lý về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Trịnh Thị Hải L từ 30 đến 36 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự, buộc Trình Thị Hải L phải bồi thường cho anh Trần Hữu Q và chị Bùi Thị Kim T số tiền 70.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số IMEI 353776395097106, đã qua sử dụng.

Tại phần tranh luận, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo là thống nhất và phù hợp với lời khai của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Do biết anh Trần Hữu Q có liên quan đến vụ trộm cắp tài sản mà Cơ quan Công an huyện K đang thụ lý, nên từ ngày 25/8/2024 đến 04/9/2024 Trình Thị Hải L có mục đích chiếm đoạt tài sản từ trước, bằng thủ đoạn gian dối làm cho anh Trần Hữu Q tin tưởng L có thể giúp lấy ô tô đang bị tạm giữ và không bị xử lý hình sự nên đã đưa cho L 70.000.000 đồng để nhờ chạy án, sau khi nhận tiền của anh Q, L tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo có đầy đủ năng lực và tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, Trình Thị Hải L đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý theo quy định tại khoản 1 Điều 53 là “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội là phụ nữ có thai”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, bố bị cáo được tặng

thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng 3 theo quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu đến chức năng thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thích đáng để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe phòng ngừa chung. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang mang thai và các con còn nhỏ nên khi lượng hình xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự bị cáo có thể bị phạt bổ sung phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo nghề nghiệp, thu nhập không ổn định. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Xét luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, về mức án là phù hợp.

[8] Đối với Phan Văn H1 là người nhận 70.000.000 đồng cho Trinh Thị Hải L nhưng H1 không trao đổi, bàn bạc và hoàn toàn không biết thông tin gian dối mà L trao đổi với Q nhằm chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân, đồng thời H1 không hưởng lợi từ số tiền mà L chiếm đoạt nên không có căn cứ xử lý.

[9] Đối với người đàn ông tên H2 mà Trinh Thị Hải L liên hệ nhờ chạy án cho Q. Quá trình điều tra L không biết rõ thông tin, địa chỉ cụ thể mà chỉ liên hệ với ông H2 qua số điện thoại 0858526856, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi công văn đến Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra Tập đoàn B để xác minh thông tin số điện thoại, lịch sử các cuộc gọi đi và đến nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời nên không xác định được.

[10] Đối với hành vi của Trần Hữu Q, Bùi Thị Kim T và Phan Văn H1 mặc dù biết hành vi chạy án là vi phạm pháp luật nhưng vẫn mong muốn người có chức vụ, quyền hạn giúp cho Q. Tuy nhiên, Trinh Thị Hải L là người nhận tiền của Q nhưng không có thẩm quyền, chức vụ, quyền hạn gì để giúp Q. Do đó, L đã nhờ người đàn ông tên H2 và người này cũng chưa thông tin lại cho L sẽ nhờ ai, giúp như thế nào và chưa yêu cầu đưa số tiền bao nhiêu để chạy án cho Q nên không có căn cứ xử lý.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh Trần Hữu Q và chị Bùi Thị Kim T yêu cầu Trinh Thị Hải L bồi thường số tiền 70.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu của anh Trần Hữu Q và chị Bùi Thị Kim T là có căn cứ nên cần buộc bị cáo bồi thường.

[11] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số IMEI 353776395097106, đã qua sử dụng của bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự,

điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[12] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ c khoản 2 điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự,

Tuyên bố: Trình Thị Hải L phạm tội "**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**".

Xử phạt: Trình Thị Hải L **33 (Ba mươi ba) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự, buộc Trình Thị Hải L phải bồi thường cho anh Trần Hữu Q và chị Bùi Thị Kim T số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh Trần Hữu Q và chị Bùi Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Trình Thị Hải L không thi hành được thì hàng tháng Trình Thị Hải L còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

“... Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số IMEI 353776395097106, đã qua sử dụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Trình Thị Hải L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự .

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHT ;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an TPHT;
- T.H.A.P.T;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ;
- Sở TP Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sơn